

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ HÒA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 189/2020/QĐST-HNGĐ

Hạ Hòa, ngày 17 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 273/2020/TLST/HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Lan A**, sinh năm 1973; địa chỉ: Khu 4, xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ;

Bị đơn: Anh **Trần Văn M**, sinh năm 1967, địa chỉ: Khu 4, xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Hạ Hòa Phú Thọ II. Địa chỉ: Khu 10, thị trấn H, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện hợp pháp: Ông Cao Tùng N, chức vụ và địa chỉ nơi làm việc: Giám đốc Agribank Chi nhánh huyện Hạ Hòa Phú Thọ II, là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 12 năm 2019).

2. Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hạ Hòa, địa chỉ: Khu 6, thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ và địa chỉ nơi làm việc: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, là người đại diện theo ủy quyền của (Văn bản ủy quyền ngày 19/9/2019).

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2020

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Lan A và anh Trần Văn M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lan A và anh Trần Văn M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung. Con chung là Trần Thị Thùy T, sinh ngày 04/8/1998 đã trưởng thành, không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị A trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Thị Hồng N, sinh ngày 01/9/2004. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ:

Chị A được quyền sử dụng: Phần diện tích S1 có chỉ giới 1, 2, 3, 6, 7, 11, 12, 13, 1, thuộc thửa đất số 146 là 245,7 m² trong đó có 50 m² đất ở và 195,7 m² đất trồng cây lâu năm; thửa đất số 158c, diện tích là 94,5 m² đất nuôi trồng thủy sản và được quyền sở hữu tài sản gắn liền với phần diện tích đất S1 là 01 ngôi nhà cấp bốn diện tích 80m².

Anh M được sử dụng phần diện tích S2 có chỉ giới 7, 8, 9, 10, 11, 7 thuộc thửa đất số 146 là 105,4 m², đất trồng cây lâu năm.

Thửa đất số 146 và 158c đều thuộc tờ bản đồ số 05, tại khu 4, xã H (khu 5, xã Đ cũ), huyện H, tỉnh Phú Thọ và đã được Ủy ban nhân dân huyện Hạ Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/4/2016, đứng tên chủ hộ Trần Văn M. Phần diện tích S1 và S2 có các chỉ giới theo bản trích đo địa chính ngày 01/9/2020 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất kèm theo.

Chị A có nghĩa vụ trả nợ cho: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Hạ Hòa Phú Thọ II – Phòng giao dịch Xuân Áng số tiền gốc là 100.000.000 đồng và lãi phát sinh theo Sổ giao dịch tiền vay ngày 29/04/2020; Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hạ Hòa số tiền gốc là 22.600.000 đồng và lãi phát sinh theo Sổ vay vốn từ ngày 23/05/2016.

Chị A có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho anh M là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) vào ngày 17/9/2021.

Anh M được quyền lưu cư trong ngôi nhà của chị Anh nêu trên trong thời gian 03 (ba) tháng, kể từ ngày 17/9/2020.

- Về công sức: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí: Chị A tự nguyện nộp cả 150.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị A, anh M và các ngân hàng đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, công nợ và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong quyết định trước khi Tòa án tiến hành hòa giải nên không phải chịu án phí chia tài sản chung và công nợ theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ quốc hội số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016.

Xác nhận chị A đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số **0002429** ngày **17/8/2020** của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa. Chị A còn được trả lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hạ Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hạ Hòa;
- UBND xã H, huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP-KT.

THẨM PHÁN

Đã ký

Trần Đình Chi